CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho 6 tháng đầu năm 2014, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2014, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chính Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 2.260.968.001 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 là (4.893.097.250) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phạm Hữu Phú	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch
Ông :	Ngô Đình Chính	Thành viên
Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Miên Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Đặng Thị Lan Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà :	Lương Thị Thảo	Thành viên BKS

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2014, kết thúc ngày 30/06/2014 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 09 tháng 07 năm 2014
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Hữu Phú

Tp.HCM, ngày 09 tháng 07 năm 2014
TM. Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúc Vinh

AASCs
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: A22/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2014
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Kính gửi:
- Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ của **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** được lập ngày 09/07/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014 được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai
Số giấy CNĐKHN KTV: 0848-2013-142-1

Member of

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**35.903.166.921**	**33.640.538.201**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V. 1**	**3.639.504.370**	**16.476.102.088**
1. Tiền	111		3.639.504.370	16.476.102.088
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V. 2**	**29.392.275.732**	**17.135.785.154**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		29.929.384.225	17.588.646.658
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(537.108.493)	(452.861.504)
III. Các khoản phải thu	**130**	**V.3**	**2.822.546.021**	**17.235.179**
1. Phải thu khách hàng	131	V.3.1	2.537.000.000	
2. Trả trước cho người bán	132		-	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3.2	285.546.021	17.235.179
5. Các khoản phải thu khác	135		-	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**V.4**	**48.840.798**	**11.415.780**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.1	33.840.798	1.415.780
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4.2	15.000.000	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	**200**		**251.717.900**	**258.907.898**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	**220**	**V.6**	-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		925.506.710	989.623.805
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(925.506.710)	(989.623.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**251.717.900**	**258.907.898**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	9.193.340	16.383.338
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.5	242.524.560	242.524.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**36.154.884.821**	**33.899.446.099**
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**45.393.471**	**50.922.750**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**V.8**	**45.393.471**	**50.922.750**
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.8.1	3.805.501	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.8.2	30.000.000	30.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8.3	5.847.420	4.882.200
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.740.550	16.040.550
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	**400**		**36.109.491.350**	**33.848.523.349**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**36.109.491.350**	**33.848.523.349**
1. Vốn đầu tư của chủ sỡ hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		501.294.300	501.294.300
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		501.294.300	501.294.300
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.893.097.250)	(7.154.065.251)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**36.154.884.821**	**33.899.446.099**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		20.310.000.000	14.438.200.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	*007*		*20.310.000.000*	*14.438.200.000*
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	*008*		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	*009*		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	*010*		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	*011*		-	-
6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút	*012*		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	*013*		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	*014*		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	*015*		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		7.250.000.000	4.750.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	030	V.9	10.782.277	23.093.968
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước	*031*		*10.782.277*	*23.093.968*
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	*032*		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	040	V.10	30.233.007.600	77.776.822.900
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	041		30.233.007.600	77.776.822.900
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	050	V.11	7.546.021	17.235.179
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	051	V.12	-	-

Lập, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Hoàng Lan	Nguyễn Thị Thùy Đoan	Nguyễn Thúc Vinh

S.Đ.K.K.D: 4103005757-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	**01**	**V.13.1**	**17.410.973**	**45.716.382**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**17.410.973**	**45.716.382**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	**11**	**V.14**	**4.347.617**	**14.282.357**
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	**20**		**13.063.356**	**31.434.025**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.13.2	6.497.805.864	5.132.927.859
7. Chi phí tài chính	22	V.15	2.160.335.621	308.426.332
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.091.065.598	1.804.821.691
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	**30**		**2.259.468.001**	**3.051.113.861**
10. Thu nhập khác	31		1.500.000	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**1.500.000**	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**2.260.968.001**	**3.051.113.861**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**V.16**	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**2.260.968.001**	**3.051.113.861**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			**565**	**763**

Lập, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Hoàng Lan	Nguyễn Thị Thùy Đoan	Nguyễn Thúc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		66.649.655	50.696.837
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(706.609.327)	(727.462.340)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.128.447.891)	(837.674.137)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.837.228)	(3.735.127)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.272.107.666	3.871.421.542
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.896.492.783)	(11.358.822.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.398.629.908)***	***(9.005.576.164)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.650.000	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(98.370.549.746)	(56.017.107.645)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		87.617.865.320	46.242.473.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(131.315.384)	(69.363.732)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	249.275.130
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		444.382.000	621.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(10.437.967.810)***	***(8.973.723.247)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**16.476.102.088**	**23.235.936.592**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**3.639.504.370**	**5.256.637.181**

Lập, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Lê Thị Hoàng Lan	Nguyễn Thị Thùy Đoan	Nguyễn Thúc Vinh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000					40.000.000.000	40.000.000.000
g dư vốn cổ phần									
khác của chủ sở hữu									
hiếu quỹ (*)									
h lệch đánh giá lại tài sản									
h lệch tỷ giá hối đoái									
đầu tư phát triển									
dự phòng tài chính		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
nhuận chưa phân phối		(10.916.144.638)	(7.154.065.251)	5.474.342.567	1.712.263.180	9.124.693.052	6.863.725.051	(7.154.065.251)	(4.893.097.250)
		30.086.443.962	**33.848.523.349**	**5.474.342.567**	**1.712.263.180**	**9.124.693.052**	**6.863.725.051**	**33.848.523.349**	**36.109.491.350**

Lập, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Lê Thị Hoàng Lan	Nguyễn Thị Thùy Đoan	Nguyễn Thúc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chính Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2207 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 12 *người, trong đó có 05 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.*

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc nghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mai nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí di dời văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014 VND	*01/01/2014 VND*
Tiền mặt (*)	**77.558.377**	**4.197.511**
Tiền gửi ngân hàng (**)	**3.561.945.993**	**16.471.904.577**
Tiền gửi ngân hàng VND	**3.561.945.993**	**16.471.904.577**
Tiền gửi ngân hàng BIDV (tự doanh)	25.374.935	12.143.894
Tiền gửi ngân hàng Bản Việt	1.225.011	1.218.262
Tiền gửi ngân hàng EXIMBANK - SGD 1	-	-
Tiền gửi ngân hàng EXIMBANK - CN Sài Gòn	20.387.717	599.861.796
Tiền gửi ngân hàng Phương Nam - Phòng GD Q. 10	-	-
Tiền gửi Công ty chứng khoán Rồng Việt	3.514.958.330	15.858.680.625
Tiền đang chuyển	-	-
Tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	**3.639.504.370**	**16.476.102.088**

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2014 khớp với biên bản kiểm kê thực tế

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30/06/2014 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND		*01/01/2014 VND*	
	Số lượng	*Giá trị*	*Số lượng*	*Giá trị*
2.1. Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/ rủi ro)				
Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	-	-	*295.820*	*3.887.168.250*
Ngân hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	*460.000*	*4.345.293.894*	-	-
Cty CP Kinh doang và Phát triển Bình Dương (TDC)			*20.000*	*160.240.001*
Cty CP Kỹ Thuật Nền Móng & Công Trình Ngầm Fecon (FCN)	*166.000*	*4.065.825.857*	*200.000*	*3.675.154.479*
Cty CP Chứng Khoán Rồng Việt (VDS)	*800.000*	*2.962.607.255*	*800.000*	*2.962.607.255*
Cty CP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam (Vinaceglass)	*475.000*	*2.327.500.000*	*475.000*	*2.327.500.000*
Cty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam (CSM)			*128.000*	*4.575.976.673*
Tổng Cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1)	*250.000*	*2.537.500.000*	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Cty CP Đầu Tư Xây Dựng 3-2 (C32)	*45.000*	*1.375.776.574*	-	-
Cty Cp Cao su Đà nẵng (DRC)	*151.000*	*7.085.258.333*	-	-
Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)	*229.000*	*2.908.485.479*	-	-
Công ty CP Khoáng Sản Fecon (FCM)	*100.000*	*1.442.320.583*	-	-
Công ty CP Tasco (HUT)	*80.000*	*878.816.250*	-	-
Tổng cộng	***2.756.000***	***29.929.384.225***	***1.918.820***	***17.588.646.658***

2.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong 6 tháng đầu năm 2014

Tên chứng khoán	Giá vốn	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá thị trường	Mức trích dự phòng
Cty CP Chứng Khoán Rồng Việt (VDS)	3.703	2.962.607.255	800.000	5.200	-
Tổng Cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1)	10.150	2.537.500.000	250.000	10.150	-
Cty CP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam (Vinaceglass)	4.900	2.327.500.000	475.000	4.900	-
Cty CP Kỹ Thuật Nền Móng & Công Trình Ngầm Fecon (FCN)	24.493	4.065.825.857	166.000	24.000	*81.825.857*
Cty Cp Cao su Đà nẵng (DRC)	46.922	7.085.258.333	151.000	50.500	-
Cty CP Đầu Tư Xây Dựng 3-2 (C32)	30.573	1.375.776.574	45.000	29.700	*39.276.574*
Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)	12.701	2.908.485.479	229.000	11.200	*343.685.479*
Ngân hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	9.446	4.345.293.894	460.000	9.700	-
Công ty CP Khoáng Sản Fecon (FCM)	14.423	1.442.320.583	100.000	13.700	*72.320.583*
Công ty CP Tasco (HUT)	10.985	878.816.250	80.000	11.200	-
Tổng cộng		**29.929.384.225**	**2.756.000**		**537.108.493**

Thông báo giá tại thời điểm ngày 30/06/2014 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là căn cứ trích lập dự phòng.

Ghi chú:

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho cổ phiếu Tổng Cty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 (CIENCO 1) và Cty CP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam (Vinaceglass) do tại thời điểm này Công ty không thu thập được giá giao dịch của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

3.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2014 VND	*01/01/2014 VND*
Công Ty CP Chứng Khoán Rồng Việt (tiền bán chứng khoán SHB, REE và DRC)	2.537.000.000	-
Tổng cộng	2.537.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

3.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	-	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	7.546.021	17.235.179
Phải thu phí thưởng hoạt động	-	-
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác (cổ tức DRC)	278.000.000	-
Tổng cộng	**285.546.021**	**17.235.179**

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

4.1. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phí bảo hiểm ô tô	4.995.800	1.415.780
Máy tính laptop và phần mềm diệt virus	28.844.998	-
	33.840.798	**1.415.780**

4.2. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Lê Minh Thống	5.000.000	5.000.000
Phạm Văn Tâm	10.000.000	5.000.000
Tổng cộng	**15.000.000**	**10.000.000**

5. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
1. Ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)	239.542.560	239.542.560
2. Các khoản tiền nhận uỷ thác	-	-
3. Phải thu dài hạn khác (Đặt cọc sử dụng thẻ MCC của Công ty Mai linh)	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	**242.542.560**	**242.542.560**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu kỳ		**163.963.415**	**825.660.390**			**989.623.805**
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
Mua trong kỳ						-
Đầu tư XDCN hoàn thành						-
Tăng khác						-
3. Số giảm trong kỳ	-	**64.117.095**	-	-	-	**64.117.095**
Bao gồm:						
Chuyển sang BĐS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán		64.117.095				**64.117.095**
Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	-	**99.846.320**	**825.660.390**	-	-	**925.506.710**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ		**163.963.415**	**825.660.390**			**989.623.805**
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
Khấu hao tăng trong kỳ			-			-
Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	-	**64.117.095**	-	-	-	**64.117.095**
Bao gồm:						
Chuyển sang BĐS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán		64.117.095				64.117.095
Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	-	**99.846.320**	**825.660.390**	-	-	**925.506.710**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí duy trì tên miền, lưu trữ dữ liệu, thuê bao VNPT	9.193.340	16.383.338
Tổng cộng	**9.193.340**	**16.383.338**

8. NỢ NGẮN HẠN

8.1. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công Ty CP Chứng Khoán Rồng Việt *(phí bán chứng khoán bán SHB, REE, DRC)*	3.805.501	-
Tổng cộng	**3.805.501**	-

8.2. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
- Trích trước chi phí kiểm toán	30.000.000	30.000.000
Tổng cộng	**30.000.000**	**30.000.000**

8.3. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	-	-
- KPCĐ	5.847.420	4.882.200
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	**5.847.420**	**4.882.200**

9. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ UỶ THÁC

	6 tháng đầu năm2014 VND	6 tháng đầu năm2013 VND
- Số dư đầu kỳ	23.093.968	42.367.914
- Số tăng trong kỳ	1.406.640.822	521.409.205
+ Cổ tức	*1.406.186.400*	*468.717.800*
+ Tiền ủy thác tăng thêm	-	*52.400.000*
+ Lãi tiền gửi	*454.422*	*291.405*
- Số giảm trong kỳ	1.418.952.513	478.736.256
+ Chuyển trả vốn ủy thác	*1.311.395.481*	*421.337.519*
+ Phí ngân hàng lưu ký	*9.080.100*	*9.080.100*
+ Phí Quản lý danh mục	*27.100.131*	*48.318.637*
+ Thuế TNCN	*70.309.320*	
+ Phí chuyển tiền	*1.067.481*	
- Số dư cuối kỳ	10.782.277	85.040.863

10. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ UỶ THÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
10.1 Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	**30.233.007.600**	**77.776.822.900**
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết Cp niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	-	-
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết Cp không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	30.233.007.600	77.776.822.900
Cty CP Bảo hiểm Bảo Long	*30.233.007.600*	*30.233.007.600*
Cty Cp Bất Động Sản Exim (Eximland)	-	*47.543.815.300*
- Trái phiếu	-	-
10.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	-	-
- Cổ phiếu niêm yết	-	-
- Cổ phiếu không niêm yết	-	-
- Trái phiếu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2014

13. DOANH THU

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm2014 VND	6 tháng đầu năm2013 VND
13.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	***17.410.973***	***45.716.382***
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	-	-
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	17.410.973	45.716.382
+ Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	-	-
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
+ Doanh thu khác	-	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
	-	-
13.2. Doanh thu hoạt động tài chính	**6.497.805.864**	**5.132.927.859**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.549.524	250.525.130
- Lãi đầu tư chứng khoán	5.735.874.340	4.316.402.729
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	722.382.000	566.000.000

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm2014 VND	6 tháng đầu năm2013 VND
- Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	-	-
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	4.347.617	14.282.357
- Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Tổng cộng	**4.347.617**	**14.282.357**

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm2014 VND	6 tháng đầu năm2013 VND
- Lãi tiền vay	5.837.228	3.735.127
- Phí môi giới	135.120.885	69.363.732
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.935.130.519	396.965.404
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	84.246.989	(161.637.931)
- Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng cộng	**2.160.335.621**	**308.426.332**

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm2014 VND	6 tháng đầu năm2013 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	-	-

Ghi chú: Công ty thực hiện chuyển lỗ [illegible]

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

17. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	30/06/2014 VND	*01/01/2014 VND*
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;		
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ		
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện		

VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không

2. Gía trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi luỹ kế chưa được ghi nhận : Không

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
- Thu nhập: Không phát sinh
- Chi phí: Không phát sinh
- Lãi (lỗ): Không phát sinh

Cộng:

4. Trong 06 tháng đầu năm 2014, Bà Trần Thị Liễu có thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 400.000 cổ phần của Công Ty CP Quản Lý Quỹ Chứng Khoán Việt Long cho Ông Phạm Văn Tâm (50.000 cổ phần) theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 18/03/2014 và Bà Lê Trung Thu (350.000 cổ phần) theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/05/2014.

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiền tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán

3. Thông tin về các bên liên quan:

Không phát sinh các bên có liên quan

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " báo cáo bộ phận"

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.000.000
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP

	30/06/2014 VND	*01/01/2014 VND*
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dich vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Lê Thị Hoàng Lan	Nguyễn Thị Thùy Đoan	Nguyễn Thúc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG